

Những yếu tố tác động đến ý định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động trong giai đoạn dịch COVID-19

Nguyễn Tấn Hải^{ab}, Nguyễn Thị Thanh Trúc^{c*}, Lê Thị Hồng Thúy^d, Lê Nhã Uyên^e

Tóm tắt:

Dưới ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 vừa qua, tình trạng người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngày càng nhiều, điều này làm ảnh hưởng đến nguồn lực lao động và khả năng sản xuất, kinh doanh trong và sau đại dịch. Nghiên cứu hiện tại áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tất cả 4 nhân tố bao gồm: *nhận thức về sự nguy hiểm của dịch COVID-19, thái độ của người lao động, chuẩn chủ quan và kiểm soát hành vi có tác động tích cực đến ý định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động*. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng người lao động có bệnh nền và người lao động có nhận thức pháp luật thấp có ý định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật cao hơn. Từ các kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất một số kiến nghị và chính sách cho các cơ quan chức năng và các công ty, doanh nghiệp để góp phần giữ chân người lao động.

Từ khóa: *lý thuyết về hành vi được hoạch định, lý thuyết về nguy cơ được nhận thức, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, COVID-19*

^a Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Long An; 118 Trương Định, phường 1, TP. Tân An, tỉnh Long An.

^b Trường Đại học Trà Vinh; 126 Nguyễn Thiện Thành - Khóm 4, Phường 5, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh. e-mail: nguyentanhai136@gmail.com

^c Khoa Sau đại học, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; 97 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. e-mail: trucntt.2181@ou.edu.vn

^d Trường Đại học Đông Á; 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. e-mail: thuylth@donga.edu.vn

^e Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; 59C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. e-mail: uyenle.8901@gmail.com

* Tác giả chịu trách nhiệm chính.

Factors Affecting Employees' Intention to Unilaterally Terminate Labor Contracts during the COVID-19 Pandemic

Nguyen Tan Hai^{a,b}, Nguyen Thi Thanh Truc^{c*}, Le Thi Hong Thuy^d, Le Nha Uyen^e

Abstract:

Under the influence of the COVID-19 pandemic, the number of employees unilaterally terminating labor contracts is increasing, which affects labor resources, production, and business ability during and after the pandemic. The present study adopts the quantitative approach to explore predictors of employees' intention in the unilateral termination of labor contracts. The research findings show that all four factors, including perceived risk of the COVID-19 pandemic, employees' attitude, subjective norm, and behavioral control, have a positive impact on employees' intention to unilaterally terminate the labor contract. The research results also show that employees with health problems and those with low legal awareness have a higher intention to unilaterally terminate illegal labor contracts than others. Based on the research findings, the authors propose some suggestions and policies that could help reduce the leaving rate of laborers.

Key words: *theory of planned behavior, perceived risk theory, unilateral termination of labor contrast, COVID-19*

Received: 20.5.2023; Accepted: 15.9.2023; Published: 31.12.2023

DOI: 10.59907/daujs.2.4.2023.187

^a Propaganda and Training Department; 118 Truong Dinh, Ward 1, Tan An City, Long An Province.

^b Tra Vinh University; 126 Nguyen Thien Thanh St. - Group 4, Ward 5, Tra Vinh City, Tra Vinh.
e-mail: nguyentanhai136@gmail.com

^c Graduate School, Ho Chi Minh City Open University; 97 Vo Van Tan Street, Ward 6, District 3, Hochiminh City. e-mail: trucntt.218l@ou.edu.vn

^d Dong A University; 33 Xo Viet Nghe Tinh Street, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Danang City. e-mail: thuyth@donga.edu.vn

^e University of Economics Ho Chi Minh City; 59C Nguyen Dinh Chieu Street, District 3, Hochiminh City. e-mail: uyenle.8901@gmail.com

* Corresponding Author.

Mở đầu

Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (ĐPCDHĐLĐ) là một trong những hoạt động khá phổ biến trong thị trường lao động và quan hệ lao động. Đây là một trong những vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động và được điều chỉnh bởi Bộ luật Lao động năm 2019 (BLLĐ 2019). Việc ĐPCDHĐLĐ không chỉ tác động đến người lao động (NLĐ) và người sử dụng lao động (NSDLĐ) mà còn ảnh hưởng đến các khía cạnh của đời sống xã hội như: ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, kinh doanh, ảnh hưởng đến trật tự xã hội và các vấn đề về an sinh xã hội (Chuong, 2020).

Từ lâu, việc nghiên cứu về ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ đã thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Cụ thể, (Vaart et al., 2013) đã đề xuất và kiểm tra một mô hình về những nhân tố tác động đến ý định nghỉ việc của nhân viên. Nghiên cứu này chỉ ra rằng trạng thái tâm lý có ảnh hưởng đáng kể đến ý định rời khỏi của nhân viên thông qua vai trò trung gian của sự hạnh phúc của nhân viên. Trong khi đó, (Guchait & Cho, 2010) cũng khám phá ra rằng thực tiễn quản lý nguồn nhân lực và sự cam kết của công ty có tác động tiêu cực đến ý định nghỉ việc của nhân viên. (Lam et al., 2009) đã khảo sát 152 người từ một công ty liên doanh Trung Quốc - Nhật Bản đặt tại Trung Quốc và chỉ ra rằng thực tiễn quản lý nguồn nhân lực được nhận thức (lương, thưởng, chính sách đào tạo) có tác động tích cực đến sự tham gia của các cá nhân trong công ty, tuy nhiên nó có tác động tiêu cực đến ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ. Điều này cho thấy rằng khi lương, thưởng và các chế độ phúc lợi cho NLĐ được lãnh đạo công ty quan tâm và thực hiện tốt sẽ làm giảm ý định ĐPCDHĐLĐ của họ.

(Boselie et al., 2002) đã chỉ ra rằng sự hài lòng của nhân viên tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLĐ của họ. Một khi NLĐ cảm thấy yên tâm và cảm thấy hài lòng với công việc hiện tại thì ý định ĐPCDHĐLĐ của họ sẽ giảm. Trong khi đó, (Alzayed et al., 2017) đã chỉ ra rằng sự an toàn trong công việc có ảnh hưởng tiêu cực đến ý định nghỉ việc của nhân viên; khi NLĐ cảm thấy sự an toàn trong công việc sẽ làm giảm ý định nghỉ việc của họ. Ngược lại, khi họ cảm thấy công việc có thể mang lại nguy hiểm cho bản thân sẽ làm gia tăng ý định nghỉ việc của họ.

Trong một nghiên cứu về "*Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động*", tác giả (Đoàn Thị Phương Diệp, 2020) đã chỉ ra: Quyền ĐPCDHĐLĐ là một quyền cơ bản của NLĐ để tự bảo vệ mình trước những vi phạm nghiêm trọng của NSDLĐ. Tác giả (Nguyễn Thị Phương Thúy, 2021), trong một nghiên cứu về "*Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo BLLĐ 2009 và một số vấn đề đặt ra*" cũng đã phân tích và chỉ rõ những tồn tại, vướng mắc của các quy định pháp luật hiện hành về quyền ĐPCDHĐLĐ của NLĐ và NSDLĐ; trên cơ sở đó, đề xuất các vấn đề pháp lý cần cân nhắc. Nhìn chung, mặc dù ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ đã và đang thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước.

Tuy nhiên những nghiên cứu quốc tế đa số xuất phát từ bối cảnh nghiên cứu trước khi dịch COVID-19 xuất hiện. Trong khi đó, những nghiên cứu trong nước chỉ dừng lại ở việc tập trung phân tích, đánh giá những quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó chỉ ra những vướng mắc trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật trong thực tiễn. Hiện nay, vẫn còn ít những nghiên cứu mang tính chuyên sâu khám phá những nhân tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ của NLD trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Trong khi đó đại dịch COVID-19 ảnh hưởng rất lớn không những đến sức khỏe, tính mạng của con người mà còn ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế và tất cả các hoạt động của đời sống xã hội nói chung (Nguyen & Tang, 2022; Nguyen, 2023). Thời điểm dịch bệnh xảy ra, rất nhiều NLD có ý định nghỉ việc, trở về quê hương của họ để làm công việc khác hoặc tìm kiếm một công việc gần nhà, bởi vì mục tiêu trước mắt của họ là bảo vệ sức khỏe bản thân và gia đình (Thông et al., 2022).

Những nghiên cứu trước đây cũng đã chỉ ra rằng dịch bệnh có tác động đáng kể đến tâm lý và ý định hành vi con người (Al-Rasheed, 2020; Nguyen & Tang, 2022; Nguyen, 2023). Vì vậy, nghiên cứu này tích hợp Lý thuyết về hành vi được hoạch định (TPB) và Lý thuyết nguy cơ được nhận thức (PRT) để khám phá những nhân tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ của NLD trong giai đoạn COVID-19. Đây được xem là một trong những nghiên cứu tiên phong, đặt nền móng cho việc đề xuất một mô hình nghiên cứu mới để tìm hiểu những nhân tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ trong bối cảnh do dịch bệnh, từ đó đề xuất hoàn chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến việc ĐPCDHĐLĐ của NLD, đồng thời đề xuất những biện pháp và những chính sách có liên quan để góp phần giữ chân người lao động.

Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Các nghiên cứu áp dụng Lý thuyết về hành vi được hoạch định và Lý thuyết nguy cơ được nhận thức

Hầu hết các nghiên cứu đã được thực hiện trước đây thường áp dụng TPB như một trong những lý thuyết nền tảng cho việc khám phá ý định hành vi con người (YĐHVCN) (Than & Truc, 2021). Tuy nhiên trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vừa qua, nhiều học giả cũng đề xuất rằng: bên cạnh TPB, PRT cũng cần được cân nhắc như một trong những lý thuyết nền tảng trong những nghiên cứu khám phá YĐHVCN trong các bối cảnh dịch bệnh như đại dịch COVID-19 (Nguyen & Tang, 2022; Nguyen, 2023). (Hà, 2016) đã áp dụng TPB trong nghiên cứu ý định mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam. Nghiên cứu này cũng đã chỉ ra rằng thái độ của cá nhân, chuẩn mực chủ quan từ bên ngoài, kiểm soát hành vi là các yếu tố tác động đáng kể đến ý định hành vi của người tiêu dùng trong việc tham gia mua sắm trực tuyến. (Hùng et al., 2018) cũng đã áp dụng TPB để khám phá các

yếu tố tác động đến ý định hành vi tiêu dùng xanh trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu này cũng đã chứng minh được rằng 3 nhân tố cơ bản của lý thuyết về hành vi được hoạch định bao gồm thái độ của cá nhân, chuẩn mực chủ quan từ bên ngoài, kiểm soát hành vi là những nhân tố có tác động đáng kể đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân trên địa bàn thành phố Huế.

Trong khi đó, PRT cũng đã được sử dụng trong nhiều nghiên cứu trước đây, kể cả trước và sau khi COVID-19 xuất hiện, cụ thể có thể kể đến các nghiên cứu như sau:

(Khoa, 2017) đã sử dụng PRT để khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức bảo vệ thông tin riêng tư của người mua hàng trực tuyến tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu chỉ ra rằng nhân tố của PRT có ảnh hưởng tích cực đến hành vi bảo vệ thông tin riêng tư của người mua hàng trực tuyến. (Nguyệt et al., 2022) trong một nghiên cứu về hành vi sử dụng dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến của khách hàng Việt Nam trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19 sử dụng PRT. Kết quả cho thấy rằng đây là một trong những lý thuyết giá trị trong việc dự đoán YĐHVCN trong giai đoạn dịch COVID-19. Bên cạnh đó, (Tuấn & Chinh, 2021), trong một nghiên cứu về ảnh hưởng của nhận thức tới ý định mua thực phẩm chức năng của người tiêu dùng Việt Nam đã chỉ ra rằng PRT là một trong những lý thuyết giá trị có thể được sử dụng để khám phá các nhân tố tác động đến ý định hành vi của con người.

Từ các công trình nghiên cứu như trên, có thể thấy rằng TPB và PRT là một trong những lý thuyết hiệu quả, có thể áp dụng trong các nghiên cứu khám phá các nhân tố tác động đến ý định hành vi con người, đặc biệt là trong các bối cảnh nguy cơ như dịch COVID-19 vừa qua. Chính vì thế, trong phạm vi nghiên cứu này chúng tôi kết hợp hai lý thuyết nền tảng là TPB và PRT để khám phá những nhân tố có thể ảnh hưởng đến ý định ĐPCDHĐLĐ của NLD trong giai đoạn dịch COVID-19.

Cơ sở lý thuyết và phát triển giả thuyết, mô hình nghiên cứu

Lý thuyết về sự rủi ro được nhận thức (Perceived risk theory)

Bauer lần đầu tiên đưa ra nhận thức rủi ro vào năm 1960, ông tuyên bố rằng nhận thức rủi ro là niềm tin chủ quan của một cá nhân hoặc những đánh giá giá trị xuất phát từ những nguy hiểm khác nhau trong những hoàn cảnh không chắc chắn. Thuật ngữ này từ lâu đã trở thành tâm điểm trong tâm lý học. Nhận thức rủi ro đóng một vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến các hành vi rủi ro. Nói chung, những cá nhân có nhận thức rủi ro thấp hơn có khả năng cao để thực hiện các hành vi nguy cơ hoặc giảm các hành vi phòng ngừa. Ngược lại, những người có nhận thức rủi ro cao lại muốn thực hiện hành vi phòng ngừa. Do đó, giả thuyết nghiên cứu thứ nhất được đề xuất như sau:

- *Giả thuyết 1: Sự nguy hiểm của dịch COVID-19 được nhận thức (SNH) tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLĐ của của NLD.*

Bên cạnh đó, rủi ro được cho là được nhận thức và hành động theo nhiều cách khác nhau, và với các bệnh truyền nhiễm mới nổi khác nhau, nhận thức về rủi ro rất khác nhau giữa mọi người. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu thứ 2 được đề xuất như sau:

- *Giả thuyết 2: Những NLD có bệnh nền (các bệnh lý mãn tính) có ý định ĐPCDHĐLD cao hơn những NLD không có bệnh nền.*

Lý thuyết về hành vi được hoạch định (Planned behavior Theory)

TPB được xây dựng dựa trên lý thuyết về hành động hợp lý được phát triển bởi (Ajzen & Fishbein, 1975) lấy ý định hành vi là tâm điểm. Ý định đề cập đến động cơ cần thiết để tham gia vào một hành vi nhất định. Lý thuyết này đề cập đến 3 yếu tố chủ yếu có ảnh hưởng đáng kể đến ý định, hành vi của con người bao gồm: thái độ của cá nhân, chuẩn chủ quan và sự kiểm soát hành vi được nhận thức.

Thái độ có thể được coi là cảm xúc tích cực hoặc tiêu cực về việc đạt được mục tiêu. Chuẩn mực chủ quan ngụ ý áp lực từ phía xã hội liên quan đến việc có nên thực hiện hành vi đó hay không (Uyên & Long, 2020). Trong khi đó, kiểm soát hành vi được nhận thức là một yếu tố bổ sung của ý định hành vi. TPB và các nghiên cứu trước đây đã chứng minh rằng thái độ của một cá nhân, chuẩn chủ quan từ bên ngoài, kiểm soát hành vi và ý định hành vi có mối quan hệ thuận chiều với nhau. Thái độ cá nhân, chuẩn chủ quan và kiểm soát hành vi sẽ tác động trực tiếp đến hành vi thực tế nếu kiểm soát nhận thức phù hợp với kiểm soát thực tế (Than & Truc, 2021).

Như vậy, TPB từ lâu đã được cân nhắc và sử dụng như một trong những nền tảng lý thuyết của các nghiên cứu liên quan đến YĐHV. Lý thuyết này đề xuất rằng thái độ của con người có liên quan trực tiếp đến ý định, hành vi của họ. Trong khi đó áp lực xã hội (chuẩn chủ quan) được xem như là một yếu tố ngoại vi thúc đẩy ý định và hành vi; việc kiểm soát hành vi là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến ý định và hành vi của một cá nhân (Than & Truc, 2021; Uyên & Long, 2020), chính vì vậy, các giả thuyết nghiên cứu sau được đề xuất:

- *Giả thuyết 3: Thái độ của NLD liên quan đến việc chấm dứt HDLD (TD) tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật của họ.*

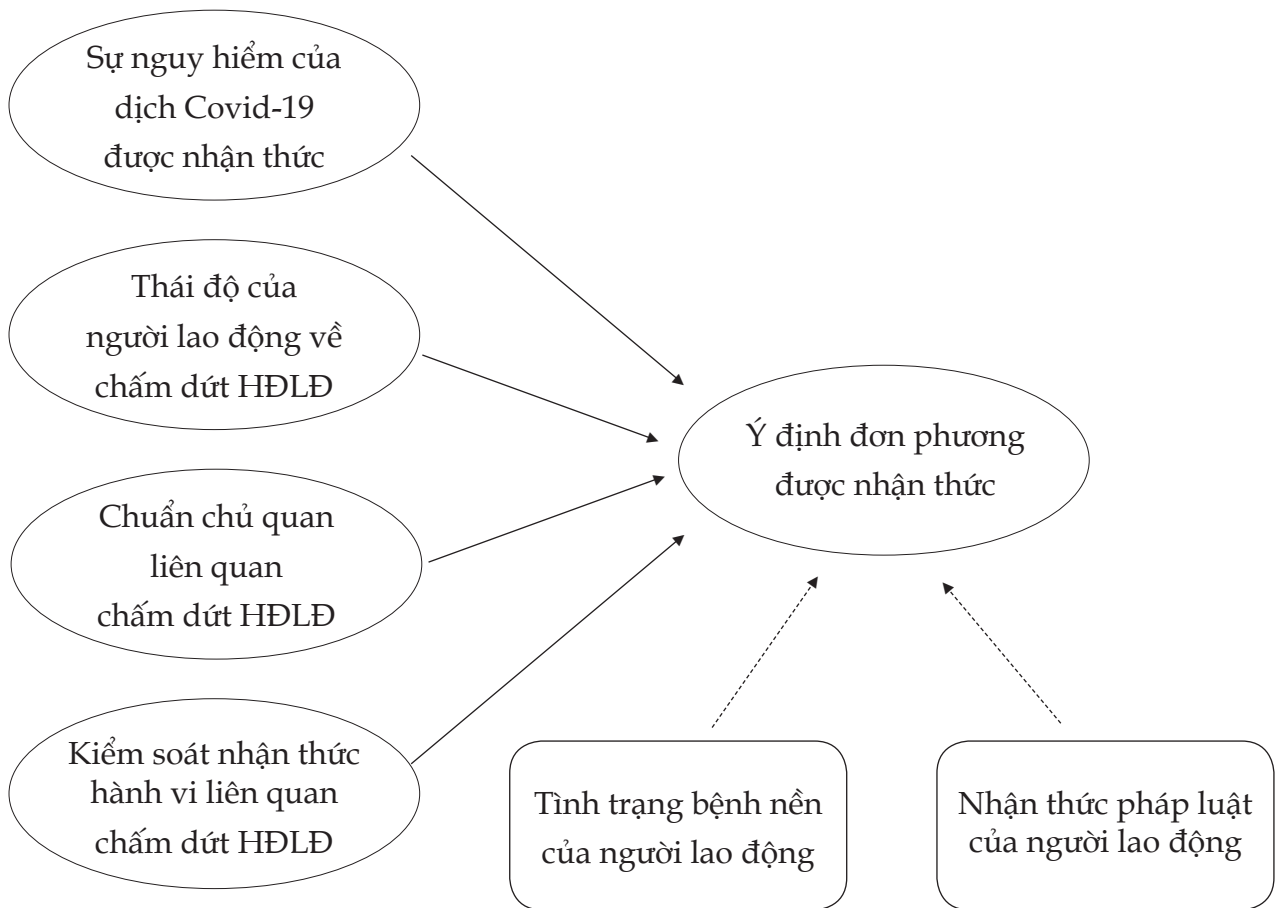
- *Giả thuyết 4: Chuẩn chủ quan (CCQ) có tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật của NLD.*

- *Giả thuyết 5: Kiểm soát hành vi được nhận thức (KSHV) có tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật của NLD.*

Hơn nữa, những nghiên cứu trước đây cũng đã chỉ ra rằng hành vi vi phạm pháp luật thường bắt nguồn từ trình độ nhận thức pháp luật thấp của chủ thể hành vi (Ngô, 2011; Nguyễn, 2013). Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu thứ 6 được đề xuất như sau:

- Giả thuyết 6: Những NLD có nhận thức pháp luật cao hơn sẽ có ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật thấp hơn so với những NLD có ít hiểu biết pháp luật.

Dựa trên những cơ sở lý thuyết, kết quả từ những nghiên cứu trước đây và những giả thuyết nghiên cứu đã được đề xuất, mô hình nghiên cứu hiện tại bao gồm 04 biến độc lập: SNH, TĐ, CCQ, KSHV, 01 biến phụ thuộc là ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD và 02 biến điều khiển bao gồm: tình trạng bệnh nền và nhận thức pháp luật của NLD. Mô hình nghiên cứu được miêu tả như Hình 1 bên dưới:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu (các nhân tố nằm trong hình chữ nhật là biến điều khiển).

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ cơ sở lý thuyết và mục tiêu nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng. Một bảng hỏi được phát triển để thu thập dữ liệu sơ cấp phục vụ việc kiểm tra các giả thuyết và mô hình nghiên cứu đã được đề xuất, từ đó tìm hiểu nguyên nhân chấm dứt hợp đồng lao động của NLD trong giai đoạn COVID-19, xác định những nhân tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ

trái pháp luật của NLD trong giai đoạn dịch COVID-19, lập phương trình hồi quy và đưa ra những kết luận từ phương trình hồi quy liên quan đến ý định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của NLD trên địa bàn tỉnh Long An trong giai đoạn đại dịch COVID-19.

Phát triển bảng hỏi

Để thu thập dữ liệu sơ cấp phục vụ đề tài nghiên cứu, một bảng hỏi đã được phát triển dựa trên các thang đo đã được các học giả trước đây phát triển và tất cả các thang đo này đều có hệ số Cronbach's Alpha trên ngưỡng chấp nhận (0,6) (Nunnally, 1978). Bảng hỏi bao gồm hai phần như sau:

Phần 1: bao gồm 03 câu hỏi về những thông tin cá nhân của người tham gia khảo sát như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và 02 câu hỏi để khảo sát 02 biến điều khiển có trong mô hình như: việc NLD có mắc các bệnh mãn tính hay không và khả năng nhận thức pháp luật của họ liên quan đến những hậu quả pháp lý khi ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật.

Phần 2: khảo sát 05 nhân tố chính trong mô hình nghiên cứu bao gồm:

Nhân tố thứ nhất: SNH bao gồm 06 biến quan sát, được tham khảo từ (Nguyen, 2023). Một trong những biến quan sát để đo lường nhân tố này là: *"Tôi thấy COVID-19 là một căn bệnh nguy hiểm"*.

Nhân tố thứ 2: CCQ bao gồm 04 biến quan sát, được tham khảo từ (Ajzen, 1991). Một biến quan sát mẫu đo lường nhân tố này là: *"Hầu hết những người quan trọng đối với tôi đều nghĩ rằng tôi nên nhanh chóng chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian này"*.

Nhân tố thứ 3: TĐ bao gồm 04 biến quan sát, được tham khảo từ (Than & Truc, 2021). Một biến quan sát mẫu đo lường nhân tố này là: *"Chấm dứt hợp đồng lao động một cách nhanh chóng tại thời điểm này là hữu ích"*.

Nhân tố thứ 4: KSHV bao gồm 04 biến quan sát, được tham khảo từ (Ajzen, 1991). Một trong những biến quan sát để đo lường nhân tố này là *"Tôi hoàn toàn có quyền ĐPCDHĐLĐ tại thời điểm này mà không cần thông báo trước"*.

Nhân tố thứ 5: Ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD bao gồm 04 biến quan sát tham khảo từ (Ajzen, 1991). Một trong những biến quan sát đo lường nhân tố này là: *"Tôi dự định sẽ ĐPCDHĐLĐ mà không cần thông báo trước"*.

Tất cả các biến quan sát trong bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 điểm từ 1 (rất không đồng ý) đến 5 (rất đồng ý). Người trả lời được yêu cầu để lựa chọn một trong những mức độ từ 1 đến 5 dựa trên quan điểm cá nhân của họ.

Tính giá trị và độ tin cậy của công cụ thu thập dữ liệu (bảng hỏi)

Các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu này được tham khảo từ các nghiên cứu trước đây và đã được chỉnh sửa về mặt từ ngữ để phù hợp với mục đích nghiên cứu hiện

tại. Sau khi bảng hỏi được xây dựng, 2 chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu về YĐHVCN đã được mời để cho ý kiến về bảng hỏi. Sau đó các góp ý của chuyên gia đã được cân nhắc, tiếp thu và chỉnh sửa vào bảng hỏi. Để đảm bảo người tham gia có thể dễ dàng hiểu và trả lời chính xác và đầy đủ các yêu cầu của bảng hỏi, 10 công nhân lao động đã được mời để trả lời thử nghiệm bảng hỏi. Mục đích của việc này là để kiểm tra xem người trả lời có gặp khó khăn gì hoặc có vấn đề gì chưa rõ trong nội dung bảng hỏi để kịp thời điều chỉnh trước khi tiến hành thu thập dữ liệu.

70 công nhân lao động đã được mời để tham gia trả lời thử nghiệm bảng hỏi trước khi tiến hành khảo sát chính thức (pilot test), và 70 người này sẽ không được mời tham gia khảo sát chính thức để đảm bảo tính khách quan của số liệu thu được. Mục đích của bước này là để kiểm tra độ tin cậy của thang đo thông qua tính toán giá trị Cronbach's Alpha để kịp thời điều chỉnh trước khi thực hiện khảo sát chính thức. Thông tin người tham gia được trình bày trong Bảng 1 và các giá trị về độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha) của khảo sát thử nghiệm được trình bày trong Bảng 2 bên dưới. Từ kết quả nghiên cứu thử nghiệm, có thể thấy rằng 5 biến nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu này có giá trị Cronbach's alpha trên ngưỡng chấp nhận (cao hơn 0,6) (Nunnally, 1978). Vì vậy, bộ công cụ thu thập dữ liệu đảm bảo tính giá trị và đáng tin cậy, có thể sử dụng để khảo sát chính thức.

Kỹ thuật lấy mẫu, cỡ mẫu và công cụ xử lý dữ liệu

Phiếu khảo sát chính thức đã được khảo sát trực tiếp tại các khu, cụm công nghiệp và các khu nhà trọ công nhân trên địa bàn huyện Thủ Thừa, huyện Đức Hòa và thành phố Tân An của tỉnh Long An dưới sự hỗ trợ của Ban Chấp hành Công đoàn của các công ty và liên đoàn lao động các địa phương. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện; 250 công nhân đang làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp đã được mời tham gia khảo sát. Tỷ lệ phiếu thu về đạt 100%. Sau khi loại bỏ các phiếu không hợp lệ (phiếu chưa hoàn tất), có 231 phiếu (chiếm 92,4%) được dùng để mã hóa và phân tích dữ liệu. Dữ liệu sau khi khảo sát đã được nhập liệu vào ứng dụng Excel và được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.

Kết quả nghiên cứu

Thống kê mô tả thông tin đối tượng khảo sát và các biến đo lường trong mô hình nghiên cứu

Trước khi phân tích dữ liệu, các đặc điểm về cỡ mẫu và thông tin về đối tượng khảo sát đã được thống kê. Thông tin chi tiết về đối tượng tham gia được trình bày trong Bảng 1 bên dưới và thống kê mô tả cho các biến đo lường và biến tổng trong nghiên cứu này được trình bày trong Bảng 2 và và Bảng 3:

Bảng 1. Thống kê mô tả mẫu điều tra

Câu hỏi	Tiêu chí phân loại	Số người	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	110	47,6
	Nữ	121	52,4
Tuổi	Dưới 20 tuổi	11	4,8
	Từ 20 - 30 tuổi	51	22,1
	Từ 31 - 40 tuổi	71	30,7
	Trên 40 tuổi	98	42,4
Trình độ học vấn	Tiểu học	3	1,3
	THCS	60	26,0
	THPT	101	43,7
	TC, CĐ, ĐH hoặc cao hơn	67	29,0
Tình trạng bệnh nền	Có	75	32,5
	Không	156	67,5
Nhận thức pháp luật (hiểu biết hậu quả pháp lý của việc ĐPCDHĐLD trái pháp luật)	Có	113	48,9
	Không	118	51,1
Tổng		231	100%

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Bảng 2. Thống kê mô tả chi tiết các biến đo lường

Tên biến	Biến quan sát	Giá trị nhỏ nhất - lớn nhất	Giá trị trung bình
SNH	SNH1	1 - 5	3,94
	SNH2	1 - 5	3,94
	SNH3	1 - 5	3,91
	SNH4	1 - 5	3,91
	SNH5	1 - 5	3,66
	SNH6	1 - 5	3,84
CQ	CCQ1	1 - 5	4,27
	CCQ2	1 - 5	3,98
	CCQ3	1 - 5	4,19
	CCQ4	1 - 5	4,14
TĐ	TĐ1	1 - 5	3,91
	TĐ2	1 - 5	3,95
	TĐ3	1 - 5	3,93
	TĐ4	1 - 5	3,92

Tên biến	Biến quan sát	Giá trị nhỏ nhất - lớn nhất	Giá trị trung bình
KSHV	KSHV1	1-5	4,11
	KSHV2	1-5	4,06
	KSHV3	1-5	3,88
	KSHV4	1-5	3,62
Ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật	YĐ1	1-5	3,93
	YĐ2	1-5	3,84
	YĐ3	1-5	3,93
	YĐ4	1-5	3,84

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến tổng

Tên biến	Mã hóa	Giá trị nhỏ nhất - lớn nhất	Giá trị trung bình
Nhận thức về sự nguy hiểm của dịch Covid-19	SNH	1-5	3,87
Thái độ của NLĐ về chấm dứt HĐLĐ	TĐ	1-5	3,93
Chuẩn chủ quan liên quan chấm dứt HĐLĐ	CCQ	1-5	4,15
Kiểm soát nhận thức, hành vi liên quan đến việc chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật	KSHV	1-5	3,92
Ý định đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật	YĐ	1-5	3,89

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Kiểm tra độ tin cậy của thang đo

Trước khi bước vào phân tích sâu hơn, độ tin cậy của thang đo được đánh giá thông qua hệ số Cronbach's Alpha với các giá trị ngưỡng chấp nhận như sau: Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6; hệ số tương quan biến tổng của từng biến quan sát phải cao hơn 0,3 (Nunnally, 1978). Kết quả kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo (Bảng 4) cho thấy rằng tất cả các thang đo có độ tin cậy Cronbach's Alpha và hệ số tương quan biến tổng của từng biến quan sát cao hơn ngưỡng tối thiểu được đề xuất, cho thấy các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu này đạt độ tin cậy.

Bảng 4. Độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)

Tên biến	Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng (> 0,5)	Hệ số Cronbach's Alpha (> 0,6)
SNH	SNH1	0,81	0,93
	SNH2	0,84	
	SNH3	0,80	
	SNH4	0,82	
	SNH5	0,69	
	SNH6	0,78	
CQ	CCQ1	0,74	0,90
	CCQ2	0,73	
	CCQ3	0,78	
	CCQ4	0,835	
TĐ	TĐ1	0,75	0,92
	TĐ2	0,89	
	TĐ3	0,80	
	TĐ4	0,87	
KSHV	KSHV1	0,68	0,85
	KSHV2	0,72	
	KSHV3	0,78	
	KSHV4	0,62	
Ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật	YĐ1	0,81	0,91
	YĐ2	0,84	
	YĐ3	0,80	
	YĐ4	0,82	

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Phân tích nhân tố khám phá EFA

Phân tích nhân tố khám phá EFA là bước cần được thực hiện trước khi tiến hành các phân tích xa hơn. Mục đích của phân tích EFA là để kiểm tra và rút gọn tập hợp các yếu tố quan sát thành những yếu tố chính dùng trong các phân tích sau này. Hệ số tải (Factor loading) là chỉ tiêu cơ bản để quyết định xem biến quan sát đó có được giữ lại cho các phân tích tiếp theo hay không. Theo (Hair et al., 2009). Factor loading > 0,5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Nghiên cứu này áp dụng giá trị Factor loading > 0,5 theo đề xuất của (Hair et al., 2009).

Các tiêu chí để phân tích nhân tố khám phá đạt yêu cầu là: (1) Hệ số tải (Factor loading) > 0,5; (2) Hệ số KMO nằm trong khoảng (0,5; 1); (3) Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê

ở mức ý nghĩa (Sig.) < 0,05; (5) Phần trăm phương sai trích (Percentage of variance) > 50% (Hair & Black, 2009).

Kết quả phân tích EFA lần 1 cho các biến độc lập cho thấy tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải cao hơn 0,5 (Bảng 7); hệ số KMO = 0,898; Kiểm định Bartlett có significant = 0,000 < 0,05 (Bảng 5); các biến đo lường được trích thành 4 nhân tố với phần trăm phương sai trích = 75,92%. Tất cả các biến quan sát đủ điều kiện giữ lại cho các phân tích tiếp theo.

Từ kết quả phân tích EFA cho các biến độc lập cho thấy, biến nhận thức về sự nguy hiểm của dịch COVID-19 bao gồm 6 biến quan sát được giữ lại; biến Chuẩn chủ quan liên quan ĐPCDHĐLĐ bao gồm 4 biến quan sát được giữ lại; biến Thái độ của NLD về ĐPCDHĐLĐ bao gồm 4 biến quan sát; biến Kiểm soát nhận thức, hành vi liên quan đến ĐPCDHĐLĐ bao gồm 4 biến quan sát (xem Bảng 5).

**Bảng 5. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA
(kết quả ma trận xoay cho các biến độc lập)**

Ma trận xoay nhân tố				
	Nhân tố			
	1	2	3	4
CCQ1			0,833	
CCQ2			0,790	
CCQ3			0,887	
CCQ4			0,885	
TĐ1		0,750		
TĐ2		0,831		
TĐ3		0,812		
TĐ4		0,828		
KSHV1				0,779
KSHV2				0,752
KSHV3				0,797
KSHV4				0,696
SNH1	0,791			
SNH2	0,863			
SNH3	0,828			
SNH4	0,823			
SNH5	0,733			
SNH6	0,825			

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA lần 2 cho biến phụ thuộc ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLĐ. Kết quả cho thấy tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải cao hơn 0,5 (Bảng 6); hệ số KMO = 0,854; Kiểm định Bartlett có significant = 0,000 < 0,05; các biến đo lường được trích thành 1 nhân tố với phần trăm phương sai trích = 79,12 %, Như vậy, tất cả các biến quan sát của biến phụ thuộc ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật đủ điều kiện giữ lại cho các phân tích tiếp theo.

**Bảng 6. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA
(kết quả ma trận nhân tố cho biến phụ thuộc)**

Ma trận nhân tố	
	Component
	1
YĐ1	0,889
YĐ2	0,902
YĐ3	0,898
YĐ4	0,870

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Phân tích tương quan giữa các nhân tố

Phân tích tương quan giữa các nhân tố nhằm mục đích kiểm tra mối quan hệ tuyến tính giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc bằng phương pháp kiểm định tương quan Pearson. Giá trị tuyệt đối của Pearson càng gần đến 1 thì hai biến này có mối tương quan tuyến tính càng chặt chẽ (Hoàng & Chu, 2008). Kết quả kiểm định tương quan Pearson được trình bày ở Bảng 7 bên dưới cho thấy biến TĐ có tương quan mạnh nhất với biến phụ thuộc ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLĐ (0,778). Biến KSHV có tương quan mạnh thứ hai với biến phụ thuộc ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ (0,697). SNH có hệ số tương quan mạnh thứ ba với biến phụ thuộc ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLĐ với hệ số tương quan là 0,668 và biến CCQ có tương quan yếu nhất (0,446).

Bảng 7. Kết quả phân tích tương quan Pearson

Tên biến	YĐ	SNH	CCQ	TĐ	KSHV
YĐ	1				
SNH	0,668**	1			
CCQ	0,446**	0,290**	1		
TĐ	0,778**	0,534**	0,399**	1	
KSHV	0,697**	0,529**	0,330**	0,634**	1

** Tương quan ở mức ý nghĩa significant=0,01

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Phân tích hồi quy tuyến tính, kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu và lập phương trình hồi quy

Phân tích hồi quy đa biến được sử dụng để đánh giá tác động của các biến độc lập bao gồm nhận thức về sự nguy hiểm của dịch COVID-19, chuẩn chủ quan liên quan ĐPCDHĐLĐ, thái độ của NLD về ĐPCDHĐLĐ, kiểm soát nhận thức, hành vi liên quan đến việc ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật lên biến phụ thuộc ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD. Giá trị của các nhân tố được dùng để phân tích hồi quy đa biến là giá trị trung bình của các biến quan sát của nhân tố đó (biến tổng) đã được kiểm định Cronbach's Alpha và EFA. Phân tích hồi quy đa biến được thực hiện bằng phương pháp Enter, với mức ý nghĩa $< 0,05$. Kết quả phân tích hồi quy được trình bày trong Bảng 8 bên dưới.

Bảng 8. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Bêta			Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)
Hằng số	-0,864	0,220		-3,930	0,000		
N_HIEM	0,308	0,047	0,278	6,595	0,000	0,651	1,537
CQUAN	0,149	0,049	0,113	3,036	0,003	0,826	1,210
THAIDO	0,473	0,052	0,435	9,189	0,000	0,515	1,941
KSOAT	0,276	0,054	0,237	5,143	0,000	0,544	1,839
R	0,860						
Rsquare (R ²)	0,739						
Adjusted Rsquare	0,735						
Durbin Wastson	2,142						
F (160,295)	Sig,=0,000						

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Từ kết quả phân tích hồi quy cho thấy rằng hệ số R bình phương (R Square) có giá trị R Square = 0,735, cho thấy 4 biến độc lập có trong mô hình giải thích được 73,5 % sự biến thiên của biến phụ thuộc. Hơn nữa kiểm định F Change, Sig = 0,000 $< 0,05$ cho thấy mô hình đề xuất là phù hợp và có tồn tại mô hình hồi quy tuyến tính giữa ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật và 4 nhân tố ảnh hưởng (4 biến độc lập bao gồm SNH, CCQ, TĐ và KSHV).

Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các nhân tố đều nhỏ hơn 10 cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Durbin Wastson = 2,142, nằm trong khoảng từ 1,5 - 2,5, do đó không xảy ra hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất (Hoàng & Chu, 2008; Qiao, 2011). Kết quả phân tích hồi quy ở bảng 10 cũng cho thấy tất cả 4 biến độc lập đều có tác động dương đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật ở mức ý nghĩa $< 0,01$. Với hệ số tác động chuẩn hóa lần lượt như sau: SNH (Beta = 0,278), CCQ (Beta = 0,113), TĐ (Beta = 0,435), KSHV (Beta = 0,237).

Như vậy biến TĐ có tác động mạnh nhất đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLĐ, sau đó là biến SNH và KSHV, trong khi đó biến CCQ có tác động yếu nhất. Từ kết quả phân tích hồi quy, phương trình hồi quy chuẩn hóa của mô hình được lập như sau:

Ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật = 0,28

x *Nhận thức về sự nguy hiểm của dịch COVID-19* + 0,113

x *Chủ quan liên quan ĐPCDHĐLĐ* + 0,435

x *Thái độ của NLĐ về ĐPCDHĐLĐ* + 0,237

x *Kiểm soát nhận thức, hành vi liên quan đến việc ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật*

Từ phương trình hồi quy, có thể hiểu rằng khi nhận thức về sự nguy hiểm của dịch COVID-19 tăng 1 lần thì ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLĐ tăng 0,278 lần. Khi chuẩn chủ quan liên quan đến ĐPCDHĐLĐ tăng 1 lần thì ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLĐ tăng 0,435 lần. Khi thái độ của NLĐ về ĐPCDHĐLĐ tăng 1 lần thì ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ trái pháp luật của NLĐ tăng 0,237 lần. Khi kiểm soát nhận thức, hành vi liên quan đến việc ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật tăng 1 lần thì ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ tăng 0,237 lần.

Qua kết quả phân tích hồi quy và phương trình hồi quy có thể thấy rằng tất cả 3 nhân tố thuộc lý thuyết về hành vi được hoạch định bao gồm chuẩn chủ quan liên quan ĐPCDHĐLĐ, thái độ của NLĐ về ĐPCDHĐLĐ, kiểm soát nhận thức, hành vi liên quan đến việc ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật và nhân tố nhận thức về sự nguy hiểm của dịch COVID-19 của lý thuyết về nguy cơ được nhận thức đều có vai trò trong việc dự đoán ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ trong giai đoạn dịch COVID-19.

Kiểm định vai trò của các biến điều khiển trong mô hình nghiên cứu

Kiểm định T-test được thực hiện để kiểm tra xem có sự khác nhau trong ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật giữa những NLĐ có bệnh nền và những NLĐ không có bệnh nền, giữa những người có nhận thức pháp luật về những hậu quả pháp lý khi ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật và những người không biết về những hậu quả này. Kết quả kiểm định T-test cho thấy rằng, có sự khác nhau đáng kể trong ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật giữa

những NLD có bệnh nền và những NLD không có bệnh nền. Cụ thể, NLD có bệnh nền (giá trị trung bình = 4,17) có ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật cao hơn NLD không có bệnh nền (giá trị trung bình = 3,75).

Kết quả kiểm định T-test cũng cho thấy rằng, có sự khác nhau đáng kể trong ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật giữa những người có nhận thức pháp luật về những hậu quả pháp lý khi ĐPCDHĐLD trái pháp luật và những người không biết. Cụ thể, NLD có hiểu biết về những hậu quả pháp lý họ phải đối mặt khi ĐPCDHĐLD trái pháp luật (giá trị trung bình = 3,35) có ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật thấp hơn NLD không biết những hậu quả pháp lý này (giá trị trung bình = 4,39). Kết quả kiểm định T-test được trình bày trong Bảng 9 bên dưới.

Bảng 9. Kết quả kiểm định T-test

Biến phụ thuộc	Điều kiện sức khỏe	Tần suất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị kiểm định T T-value	Bậc tự do (degree of freedom)	Mức ý nghĩa
Ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật	Người có bệnh nền	75	4,17	0,81	3,352	184,96	0,001
	Người không có bệnh nền	156	3,75	1,05			
	Người có nhận thức pháp luật cao	113	3,35	1,01	-9,187	192,16	0,000
	Người có nhận thức pháp luật thấp	118	4,39	0,66			

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả khảo sát

Kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu

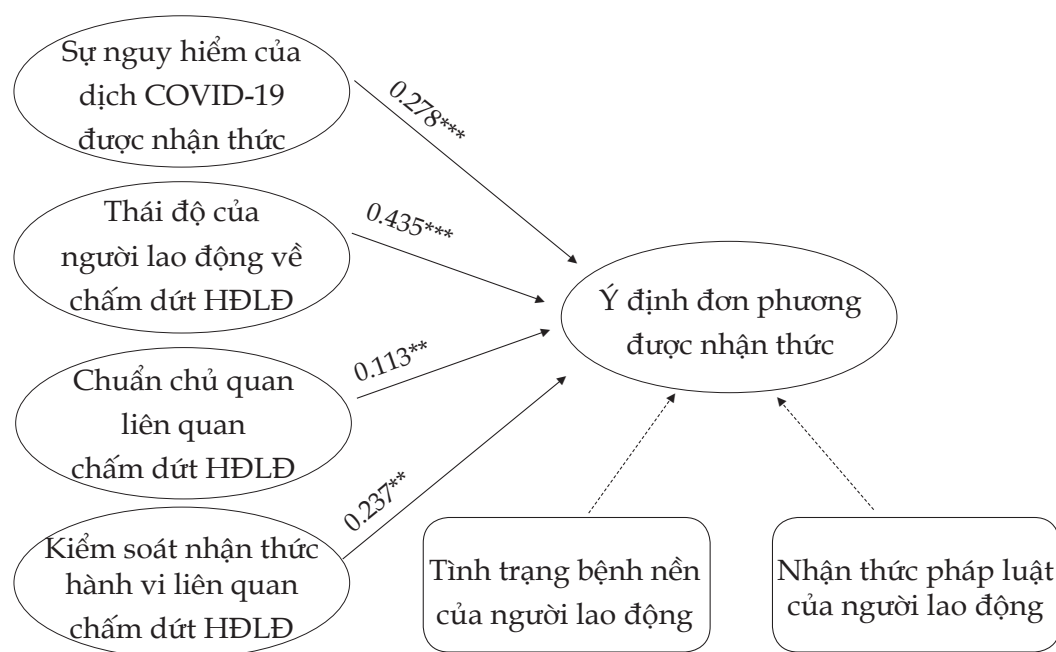
Từ kết quả phân tích hồi quy đa biến và kiểm định T-test cho thấy rằng tất cả các giả thuyết của nghiên cứu đều được chấp nhận. Các biến độc lập bao gồm: nhận thức về sự nguy hiểm của dịch COVID-19, chuẩn chủ quan liên quan ĐPCDHĐLD trái pháp luật, thái độ của NLD về ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật, kiểm soát nhận thức, hành vi liên quan đến việc ĐPCDHĐLD trái pháp luật có tác động dương đối với biến phụ thuộc ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật của NLD. Bên cạnh đó, ý định ĐPCDHĐLD trái pháp luật cao hơn đối với những NLD có bệnh nền và những NLD có nhận thức pháp luật thấp hơn (những người không biết được những hậu quả pháp lý khi ĐPCDHĐLD trái pháp luật).

Kết quả kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu được trình bày trong Bảng 10 và mô hình kết quả của nghiên cứu được vẽ như Hình 2 bên dưới.

Bảng 10. Kết quả kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Nội dung giả thuyết	Kết quả
Giả thuyết 1	Sự nguy hiểm của dịch COVID-19 được nhận thức tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD.	Chấp nhận
Giả Thuyết 2	Những NLD có bệnh nền (các bệnh lý mãn tính) có ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật cao hơn những NLD không có bệnh nền.	Chấp nhận
Giả thuyết 3	Thái độ của NLD liên quan đến việc chấm dứt HĐLĐ tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của họ.	Chấp nhận
Giả thuyết 4	Chuẩn chủ quan có tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD.	Chấp nhận
Giả thuyết 5	Kiểm soát hành vi được nhận thức có tác động tích cực đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD.	Chấp nhận
Giả thuyết 6	Những NLD có nhận thức pháp luật cao hơn sẽ có ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật thấp hơn so với những NLD có ít hiểu biết pháp luật.	Chấp nhận

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả nghiên cứu



Hình 2. Mô hình kết quả của nghiên cứu

Nguồn: Do tác giả tạo ra từ kết quả nghiên cứu

Thảo luận và Kết luận

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng tất cả 3 nhân tố của TPB bao gồm CCQ, TĐ và KSHV tác động đáng kể đến ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ. Nghiên cứu này một lần nữa khẳng định vai trò của TPB trong việc dự đoán hành vi con người. Những kết quả này là hoàn toàn phù hợp với những phát hiện từ các nghiên cứu trước đây ở các lĩnh vực khác (Than & Truc, 2021; Uyên & Long, 2020). Từ những kết quả nghiên cứu có thể thấy rằng TPB cũng là một trong những lý thuyết giá trị trong việc dự đoán ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ. Ngoài ra, nghiên cứu của chúng tôi cũng đã xác lập vai trò của nhân tố SNH trong việc dự đoán ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ trong giai đoạn dịch COVID-19. Điều này phù hợp với những quan điểm cho rằng trong giai đoạn dịch bệnh nguy hiểm thì các nhân tố có liên quan đến bối cảnh nên được xem xét trong các nghiên cứu về ý định hành vi con người (Nguyen & Tang, 2022; Nguyen, 2023). Nghiên cứu này chỉ ra rằng bên cạnh TPB, PRT cũng cần được cân nhắc trong các nghiên cứu về ý định hành vi trong các bối cảnh nguy hiểm hoặc khẩn cấp như đại dịch COVID-19 vừa qua. Nghiên cứu của chúng tôi cung cấp nhiều ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực lao động và việc làm.

Ý nghĩa lý luận

Nghiên cứu này dựa trên sự kết hợp của 2 lý thuyết phổ biến là TPB và PRT để đề xuất và kiểm tra một mô hình nghiên cứu mới trong việc dự đoán ý ĐPCDHĐLĐ của NLĐ trong giai đoạn dịch COVID-19. Cụ thể, nghiên cứu đã đề xuất và chứng minh tính giá trị của mô hình trong việc dự đoán các yếu tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Điều này chứng minh rằng bên cạnh TPB, PR cũng cần được cân nhắc trong các nghiên cứu liên quan đến ý định hành vi con người trong các tình huống khẩn cấp như đại dịch COVID-19 hiện nay. Từ những kết quả nghiên cứu, có thể mở rộng sang các lĩnh vực nghiên cứu khác có liên quan đến việc dự đoán ý định hành vi con người, đặc biệt là trong các bối cảnh, tình huống khẩn cấp, bất khả kháng tương tự đại dịch COVID-19.

Ý nghĩa thực tiễn

Nghiên cứu của chúng tôi là một trong những nghiên cứu tiên phong trong việc khám phá những nhân tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ trong giai đoạn dịch COVID-19, cung cấp những ý nghĩa và bài học kinh nghiệm trong thực tiễn quản trị nguồn nhân lực hiện nay, cụ thể:

Thứ nhất, nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra những yếu tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ của NLĐ trong giai đoạn COVID-19, cung cấp cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, các chính sách riêng biệt cho các cơ quan chức năng. Đồng thời đề xuất một số giải

pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật đối với lực lượng công nhân, viên chức lao động.

Thứ hai, Nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra các nhân tố tác động đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra năng lực giải thích của mỗi nhân tố trong việc dự đoán ý định ĐPCDHĐLĐ của NLD. Từ đó góp phần đề xuất các giải pháp khả thi để làm giảm hành vi ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của NLD, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của NLD và NSDLĐ, cũng như góp phần giải quyết bài toán về thất nghiệp, lao động - việc làm cho các cơ quan chức năng, cụ thể:

- Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy rằng thái độ của NLD có tác động mạnh nhất đến ý định ĐPCDHĐLĐ trái pháp luật của họ với hệ số tác động là 0,435, do đó để giữ chân NLD, các cơ quan chức năng và lãnh đạo các công ty, doanh nghiệp cần quan tâm đến môi trường sống và chế độ chính sách, phúc lợi cho NLD để duy trì thái độ gắn bó với công việc của NLD, từ đó góp phần giữ chân NLD. Điều này có thể được thực hiện thông qua các chính sách phúc lợi xã hội, chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân, viên chức lao động cũng như các thành viên gia đình họ, để họ gắn bó hơn với địa phương, với doanh nghiệp và tích cực tham gia lao động sản xuất, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Sự nguy hiểm của dịch COVID-19 được tìm thấy là nhân tố quan trọng thứ hai trong việc dự đoán ý định ĐPCDHĐLĐ của NLD với hệ số tác động là 0,278. Hơn nữa, nghiên cứu của chúng tôi cũng đã phát hiện rằng NLD có bệnh nền có ý định ĐPCDHĐLĐ cao hơn những NLD khác. Do đó để giữ chân NLD, các cơ quan chức năng và lãnh đạo công ty, doanh nghiệp cần tạo một môi trường làm việc an toàn, có các biện pháp phòng dịch hiệu quả, góp phần bảo vệ sức khỏe của NLD, tạo niềm tin của NLD đối với nơi làm việc và môi trường làm việc.

- Mặt khác, nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng NLD có hiểu biết pháp luật thấp có ý định ĐPCDHĐLĐ cao hơn đáng kể so với NLD có nhận thức pháp luật cao hơn. Chính vì thế, các cơ quan chức năng, các tổ chức công đoàn cần quan tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho NLD, đặc biệt là các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, chế độ chính sách cho NLD... để góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của NLD, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp vi phạm pháp luật lao động do không nắm được các quy định của pháp luật về lao động và việc làm.

Hạn chế của nghiên cứu và đề xuất nghiên cứu trong tương lai

Thứ nhất, việc sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện là một trong những hạn chế của nghiên cứu của chúng tôi do kết quả từ những nghiên cứu áp dụng phương pháp lấy

mẫu thuận tiện không thể khái quát hóa. Do đó, chúng tôi đề xuất các nghiên cứu tương lai nên áp dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên để có thể khắc phục được hạn chế này.

Thứ hai, nghiên cứu của chúng tôi sử dụng thang đo tự báo cáo và khảo sát từ cùng một nguồn và trong một phạm vi tương đối hẹp (3 huyện, thành phố của tỉnh Long An) chính vì thế kết quả nghiên cứu có thể bị ảnh hưởng. Vì vậy, chúng tôi đề xuất các nghiên cứu trong tương lai nên được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và ở một quy mô rộng hơn để đảm bảo tính giá trị của kết quả nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior human decision processes*, 50(2), 179-211.
- Al-Rasheed, M. (2020). Protective Behavior against COVID-19 among the Public in Kuwait: An Examination of the Protection Motivation Theory, Trust in Government, and Sociodemographic Factors. *Social Work in Public Health*, 35(7), 546-556.
- Bauer, R. A. (1960). *Consumer behavior as risk taking*. Proceedings of the 43rd National Conference of the American Marketing Association, June 15, 16, 17, Chicago, Illinois, 1960,
- Chuong, P. H. J. T. c. K. t. v. P. t. (2020). Tác động của đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế Việt Nam. 274, 12.
- Diệp Trương (2021). Nhìn lại đợt dịch lần 4: chuyển hướng kịp thời để thích ứng an toàn, kiểm soát dịch hiệu quả. *Trang thông tin điện tử mặt trận tổ quốc Việt Nam mattran.org.vn*. Truy cập ngày: 19.02.2022.
- Đoàn Thị Phương Diệp (2020). Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Số 11 (411), tháng 6.2020
- Hair, J., & Black, W. (2009). *Multivariate data analysis (7th International Economy Edition)*. In: Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall.
- Hoàng, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16)*, Tập 1. Hồng Đức.
- Khoa, B. T. (2017). Nghiên cứu nhận thức bảo vệ thông tin riêng tư của người mua hàng trực tuyến tại TP. Hồ Chí Minh. *Journal of Science Technology-IUH*, 26(02).
- Lam, T., & Hsu, C. H. C. (2004). Theory of Planned Behavior: Potential Travelers from China. *Journal of Hospitality & Tourism Research*, 28(4), 463-482.
- Ngô, T. T. H. (2011). *Vi phạm pháp luật về hợp đồng lao động*.
- Nguyễn Thị Phương Thúy (2021). Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo BLLĐ 2019 và một số vấn đề đặt ra. *Tạp chí Công Thương*, Số 9, tháng 4.2021

- Nguyen, H. T., & Tang, C. W. (2022). Students' Intention to Take E-Learning Courses During the COVID-19 Pandemic: A Protection Motivation Theory Perspective. *The International Review of Research in Open Distributed Learning*, 23(3), 21-42.
- Nguyễn, T. Đ. J. V. J. o. S. L. S. (2013). Bồi thường thiệt hại trong pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. 29(2).
- Nguyen, T. T. T. (2023). Citizens' intentions to use e-government during the COVID-19 pandemic: integrating the technology acceptance model and perceived risk theory. *Kybernetes, ahead-of-print*(ahead-of-print).
- Nunnally, J. C. (1978). An Overview of Psychological Measurement. In B. B. Wolman (Ed.), *Clinical Diagnosis of Mental Disorders: A Handbook* (pp. 97-146). Springer US.
- Qiao, Y. (2011). *Instertate fiscal disparities in America*. New York London: Routledge.
- Salgues, B. (2016). *Health industrialization*. Elsevier.
- Than, N. H., & Truc, N. T. T. (2021). Factors Affecting Citizens' Participation Intention in New Rural Building Projects: An Empirical Study in Long An Province, Vietnam. *Journal of Saemaology*, 6(1), 31-60.
- Uyên, P. T. T., & Long, P. H. (2020). Ứng dụng lý thuyết hành vi dự định (TPB) trong nghiên cứu ý định lựa chọn khách sạn xanh của du khách tại thành phố Đà Nẵng. *Research gate*.